



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
Số: 215 /TBHH-TCTBĐATHHMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 21 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải cho tàu
biển trọng tải lớn vào sông Hậu

TVH - 14- 2023

Vùng biển: Tỉnh Trà Vinh.

Tên luồng: Luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu.

Căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu từ TTLSH_2309_01 đến TTLSH_2309_12 tỷ lệ 1/5000 đo đạc hoàn thành tháng 9/2023 và các tài liệu liên quan do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam cung cấp.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu như sau:

Trong phạm vi đáy luồng hàng hải được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải (BHHH), độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ”.

1. Đoạn 1 – Đoạn luồng biển: Từ phao BHHH số “0” đến đê biển xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (khu vực cặp đăng tiêu BHHH số “9”, “12”) có chiều dài 7,7 km.

- Đoạn từ phao BHHH số “0” đến cặp phao BHHH số “7”, “10” - 200 m, chiều rộng đáy luồng 150 m, chiều dài 6,5 km như sau:

+ Đoạn từ phao BHHH số “0” đến cặp phao BHHH số “1”, “2” + 270 m, chiều dài khoảng 1,6 km, độ sâu đạt 6,5 m.

+ Đoạn từ cặp phao BHHH số “1”, “2” + 270 m đến cặp phao BHHH số “3”, “4” + 280 m, chiều dài khoảng 1,3 km, độ sâu đạt 5,0 m, độ sâu tại tim luồng đạt 5,4 m.

+ Đoạn từ cặp phao BHHH số “3”, “4” + 280 m đến phao BHHH số “8”, chiều dài khoảng 2,3 km, độ sâu đạt 4,6 m, độ sâu tại tim luồng đạt 4,8 m.

+ Đoạn từ phao BHHH số “8” đến cặp phao BHHH số “7”, “10” - 200 m, chiều dài khoảng 1,3 km: trong phạm vi đáy luồng có bề rộng 70 m, độ sâu đạt 3,6 m; trong phạm vi đáy luồng có bề rộng 150 m, độ sâu đạt 2,1 m nằm sát biên phải luồng, độ sâu tại tim luồng đạt 3,8 m.

- Đoạn từ cặp phao BHHH số “7”, “10” - 200 m đến cặp Đăng tiêu số “9”, “12”, chiều dài khoảng 1,2 km như sau:

+ Đoạn từ cặp phao BHHH số “7”, “10” - 200 m đến cặp phao BHHH số “7”, “10” + 200 m, chiều dài khoảng 400 m: trong phạm vi đáy luồng có bề rộng 70 m, độ sâu đạt 5,1 m; trong phạm vi đáy luồng có bề rộng 150 m, độ sâu đạt 3,0 m, độ sâu tại tim luồng đạt 5,1 m.

+ Đoạn từ cặp phao BHHH số “7”, “10” + 200 m đến cặp đăng tiêu BHHH số “9”, “12”, chiều dài khoảng 800 m: trong phạm vi đáy luồng có bề rộng 70 m, độ

sâu đạt 7,0 m; trong phạm vi đáy luồng có bề rộng 150 m, độ sâu đạt 4,5 m, độ sâu tại tim luồng đạt 7,3 m.

2. Đoạn 2 – Đoạn luồng kênh Tắt: Từ đê biển xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (khu vực cặp đăng tiêu số “9”, “12”) đến ngã ba kênh Quan Chánh Bó - kênh Tắt, chiều dài 8,7 km như sau:

+ Đoạn luồng từ đê biển xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (khu vực cặp đăng tiêu BHHH số “9”, “12”) đến đăng tiêu BHHH số “22” – 440 m, chiều dài khoảng 7,8 km: trong phạm vi đáy luồng có bề rộng 70 m, độ sâu đạt 6,5 m; trong phạm vi đáy luồng có bề rộng 85 m, độ sâu đạt 4,9 m, độ sâu tại tim luồng đạt 7,1 m.

+ Đoạn luồng từ đăng tiêu BHHH số “22” – 440 m đến ngã ba kênh Quan Chánh Bó - kênh Tắt, chiều dài khoảng 900 m:

- Trong phạm vi đáy luồng có bề rộng 70 m, độ sâu đạt 6,0 m;

- Trong phạm vi đáy luồng có bề rộng 85 m, xuất hiện các điểm độ sâu 0,2 m; 2,0 m; 2,2 m; 3,8 m; 3,9 m tại các vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
2,2	9 ⁰ 37'21,1" N	106 ⁰ 27'50,5" E	9 ⁰ 37'17,5" N	106 ⁰ 27'56,9" E
2,0	9 ⁰ 37'20,0" N	106 ⁰ 27'43,3" E	9 ⁰ 37'16,3" N	106 ⁰ 27'49,8" E
3,8	9 ⁰ 37'21,4" N	106 ⁰ 27'41,6" E	9 ⁰ 37'17,7" N	106 ⁰ 27'48,1" E
0,2	9 ⁰ 37'22,1" N	106 ⁰ 27'39,1" E	9 ⁰ 37'18,4" N	106 ⁰ 27'45,5" E
3,8	9 ⁰ 37'23,7" N	106 ⁰ 27'37,2" E	9 ⁰ 37'20,1" N	106 ⁰ 27'43,6" E
3,9	9 ⁰ 37'24,7" N	106 ⁰ 27'35,2" E	9 ⁰ 37'21,0" N	106 ⁰ 27'41,6" E

Ngoài các điểm độ sâu trên, độ sâu đoạn luồng này đạt 4,4 m, độ sâu tại tim luồng đạt 6,5 m.

3. Đoạn 3 – Đoạn luồng kênh Quan Chánh Bó: Từ ngã ba kênh Quan Chánh Bó - kênh Tắt đến ngã ba sông Hậu - kênh Quan Chánh Bó (khu vực phao BHHH số “46”), chiều dài khoảng 20,0 km như sau:

- Đoạn luồng từ ngã ba kênh Quan Chánh Bó - kênh Tắt đến cặp đăng tiêu BHHH số “26”, “21” - 550 m, chiều dài khoảng 2,0 km: trong phạm vi đáy luồng có bề rộng 70 m, độ sâu đạt 6,0 m; trong phạm vi đáy luồng có bề rộng 85 m, độ sâu đạt 5,4 m.

- Đoạn từ cặp đăng tiêu BHHH số “26”, “21” – 550 m đến cặp đăng tiêu BHHH số “30”, “25” + 120 m, chiều dài khoảng 4,7 km: trong phạm vi đáy luồng có bề rộng 70 m, độ sâu đạt 4,9 m; trong phạm vi đáy luồng có bề rộng 85 m, độ sâu đạt 4,5 m, độ sâu tại tim luồng đạt 5,4 m.

- Đoạn luồng từ cặp đăng tiêu BHHH số “30”, “25” + 120 m đến cặp đăng tiêu BHHH số “34”, “29”, chiều dài khoảng 3,8 km:

+ Trong phạm vi đáy luồng có bề rộng 70 m, độ sâu đạt 5,0 m;

+ Trong phạm vi đáy luồng có bề rộng 85 m, độ sâu đạt 4,6 m, độ sâu tại tim luồng đạt 5,9 m.

+ Khu nước tránh tàu 1: Tại phía phải luồng, khu vực cặp đăng tiêu BHHH số “19”, “24”, chiều rộng khu nước 50 m, chiều dài khu nước 600 m, độ sâu đạt 5,9 m.

- Đoạn luồng từ cặp đăng tiêu BHHH số “34”, “29” đến cặp đăng tiêu BHHH số “36”, “31”, chiều dài khoảng 1,1 km:

+ Trong phạm vi đáy luồng có bề rộng 70 m, độ sâu đạt 5,9 m;

+ Trong phạm vi đáy luồng có bề rộng 85 m, tại khu nước tránh tàu 2 có chiều rộng 50 m, chiều dài khoảng 600 m, độ sâu đạt 1,7 m trừ các điểm có độ sâu 0,9 m; 0,8 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
0,9	9 ⁰ 37’33,8” N	106 ⁰ 21’23,8” E	9 ⁰ 37’30,2” N	106 ⁰ 21’30,2” E
0,9	9 ⁰ 37’33,4” N	106 ⁰ 21’21,4” E	9 ⁰ 37’29,7” N	106 ⁰ 21’27,9” E
0,8	9 ⁰ 37’32,8” N	106 ⁰ 21’19,0” E	9 ⁰ 37’29,1” N	106 ⁰ 21’25,4” E
0,9	9 ⁰ 37’32,3” N	106 ⁰ 21’16,6” E	9 ⁰ 37’28,6” N	106 ⁰ 21’23,0” E

Ngoài khu nước tránh tàu 2 trên, độ sâu đoạn luồng này đạt 4,0 m, độ sâu tại tim luồng đạt 6,5 m.

- Đoạn luồng từ cặp đăng tiêu BHHH số “36”, “31” đến cặp đăng tiêu BHHH số “40”, “35”, chiều dài khoảng 3,8 km: trong phạm vi đáy luồng có bề rộng 70 m, độ sâu đạt 5,2 m; trong phạm vi đáy luồng có bề rộng 85 m, độ sâu đạt 4,5 m, độ sâu tại tim luồng đạt 5,4 m.

- Đoạn luồng từ cặp đăng tiêu BHHH số “40”, “35” đến cặp đăng tiêu BHHH số “44”, “39” + 150 m, chiều dài khoảng 3,6 km: trong phạm vi đáy luồng có bề rộng 70 m, độ sâu đạt 4,8 m; trong phạm vi đáy luồng có bề rộng 85 m, độ sâu đạt 3,9 m, độ sâu tại tim luồng đạt 5,1 m.

- Đoạn luồng từ cặp đăng tiêu BHHH số “44”, “39” + 150 m đến ngã ba sông Hậu - kênh Quan Chánh Bó (khu vực phao số “46”), chiều dài khoảng 1,0 km:

+ Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH “39A” đến phao BHHH “39A” + 500 m, chiều dài khoảng 500 m, lần luồng xa nhất 15 m, độ sâu nhỏ nhất đạt -0,4 m (cao hơn mực nước số 0 hải đồ).

+ Xuất hiện các điểm có độ sâu 2,6 m; 2,8 m; 3,0 m; 3,1 m; 3,2 m; 3,9 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
2,6	9 ⁰ 36’41,8” N	106 ⁰ 17’08,3” E	9 ⁰ 36’38,2” N	106 ⁰ 17’14,7” E
2,8	9 ⁰ 36’42,6” N	106 ⁰ 17’08,1” E	9 ⁰ 36’38,9” N	106 ⁰ 17’14,5” E
3,0	9 ⁰ 36’41,8” N	106 ⁰ 17’11,1” E	9 ⁰ 36’38,2” N	106 ⁰ 17’17,5” E
3,1	9 ⁰ 36’42,6” N	106 ⁰ 17’10,8” E	9 ⁰ 36’39,0” N	106 ⁰ 17’17,2” E
3,2	9 ⁰ 36’43,4” N	106 ⁰ 17’10,6” E	9 ⁰ 36’39,8” N	106 ⁰ 17’17,0” E
3,9	9 ⁰ 36’41,4” N	106 ⁰ 17’06,0” E	9 ⁰ 36’37,7” N	106 ⁰ 17’12,4” E
3,2	9 ⁰ 36’42,2” N	106 ⁰ 17’05,8” E	9 ⁰ 36’38,5” N	106 ⁰ 17’12,2” E
2,8	9 ⁰ 36’40,4” N	106 ⁰ 17’08,8” E	9 ⁰ 36’36,7” N	106 ⁰ 17’15,3” E

+ Ngoài các dải điểm độ sâu, điểm độ sâu trên trong phạm vi đáy luồng có bề rộng 70 m, độ sâu đạt 4,4 m; trong phạm vi đáy luồng có bề rộng 85 m, độ sâu đạt 3,5 m.

4. Đoạn 4 – Đoạn luồng sông Hậu: Từ ngã ba sông Hậu - kênh Quan Chánh Bó (khu vực phao BHHH số “46”) đến thượng lưu cặp phao BHHH số “57”, “64” (khu vực giao với luồng hàng hải Định An – Sông Hậu), chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 95 m, chiều dài khoảng 16,2 km như sau:

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số “46” đến phao BHHH số “46” + 200 m, chiều dài khoảng 200 m, lún luồng xa nhất 40 m, độ sâu đạt 3,4 m.

- Xuất hiện các điểm độ sâu 6,4 m; 6,1 m; 6,3 m; 6,2 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
6,4	9°36'55,8" N	106°16'10,5" E	9°36'52,1" N	106°16'17,0" E
6,1	9°36'57,9" N	106°16'11,5" E	9°36'54,2" N	106°16'18,0" E
6,4	9°36'59,2" N	106°16'09,2" E	9°36'55,5" N	106°16'15,7" E
6,1	9°37'05,9" N	106°15'57,2" E	9°37'02,2" N	106°16'03,6" E
6,1	9°37'50,4" N	106°14'46,1" E	9°37'46,7" N	106°14'52,6" E
6,4	9°37'51,7" N	106°14'47,0" E	9°37'48,1" N	106°14'53,5" E
6,3	9°37'58,5" N	106°14'36,7" E	9°37'54,8" N	106°14'43,2" E
6,2	9°37'59,8" N	106°14'34,7" E	9°37'56,1" N	106°14'41,2" E
6,4	9°38'01,2" N	106°14'32,6" E	9°37'57,5" N	106°14'39,0" E
6,4	9°38'02,5" N	106°14'30,7" E	9°37'58,9" N	106°14'37,1" E
6,3	9°37'59,1" N	106°14'31,3" E	9°37'55,5" N	106°14'37,7" E

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 6,5 m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Tàu thuyền hành hải trên luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu và hệ thống báo hiệu hàng hải dẫn luồng để có biện pháp hành hải an toàn. Lưu ý các điểm độ sâu, dải độ sâu và tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực V;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KTKH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu VT-VP, P.ATHH_{Năng}.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đinh Thái Công

Danh sách nơi nhận kèm theo.

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Bộ Tư lệnh Cảng sát Biển
- 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 4 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - Liên danh Việt – Nga Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans)
 - Cty CP Vận tải sản phẩm Khí Quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm Ứng phó Sự cố tràn dầu khu vực miền Nam
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)
- 7 Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO
- 8 Công ty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
- 9 Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)
 - Cty TNHH MTV Vận tải Biển đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (Vinalines Container)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Đô (DONGDO MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác lao động Quốc tế
 - Cty Hàng hải Vinalines Nha Trang
 - Cty Vận tải Biển Bắc
- 10 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn)
- 11 Cty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart)
- 12 Cty CP Vận Tải & Cung ứng Xăng Dầu Đường Biển
- 13 Cty Vận tải biển Sài Gòn (SaigonShip)
- 14 Cty cổ phần Vận tải biển Việt Nam(VOSCO)
- 15 Cty CP Vận tải biển VINASHIP
- 16 CN1 – Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 17 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 18 Trường Cao đẳng hàng hải II
- 19 Cty CP Cảng Sài Gòn
- 20 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh
- 21 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 22 Cty Phương Nam – Bộ Quốc phòng
- 23 Bộ đội Biên phòng tỉnh Trà Vinh
- 24 Đài thông tin Duyên hải Cần Thơ
- 25 Phòng CSGT đường thủy tỉnh Trà Vinh
- 26 Sở GTVT & Sở NN&PTNN tỉnh Trà Vinh
- 27 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Tây Nam Bộ
- 28 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam



